

Quỹ ETF IPAAM VN100

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2021



Quỹ ETF IPAAM VN100

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của ngân hàng giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 47

Quỹ ETF IPAAM VN100

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 56.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.600.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (sau đây được gọi tắt là “Công ty”). Công ty được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang quản lý ba quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Camellia và Công ty Cổ phần Bkav.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Hiền – Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Quỹ ETF IPAAM VN100

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Nguyễn Thị Huyền Trang	Chủ tịch	28 tháng 07 năm 2021
Phí Thị Thùy Dung	Thành viên độc lập	28 tháng 07 năm 2021
Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên độc lập	28 tháng 07 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ (sau đây được gọi tắt là Ban Tổng Giám đốc) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Bà Nguyễn Thị Huyền Trang
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, NAV/CCQ là 11.279,84 vnd, +12,8% so với ngày thành lập Quỹ.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu.

Chiến lược đầu tư thụ động đặt niềm tin vào tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, tối đa hóa lợi nhuận bằng cách nắm giữ cổ phiếu, hạn chế tối đa giao dịch mua/bán cổ phiếu hàng ngày.

1.4 Phân loại Quỹ

Phân loại Quỹ: Quỹ hoán đổi

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không có.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Trung bình.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động quỹ

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021, theo đó Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.8 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tính đến kỳ báo cáo, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 5.600.000, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 11.279,84 vnd.

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ: VN100

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận Quỹ

Không phân phối.

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Không có.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 Cơ cấu tài sản

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh mục chứng khoán (bao gồm phái sinh)	99,47%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	0,53%
	<u><u>100,00%</u></u>

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

*Giai đoạn tài chính từ
ngày 14 tháng 09 năm 2021
(ngày thành lập Quỹ) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ	58.124.925.140
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.600.000
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	11.279,84
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	11.359,99
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	10.116,74
Tốc độ vòng quay danh mục trong năm	17,51%

2.3 Tăng trưởng qua các kỳ

Giai đoạn	1 tháng	3 tháng	Từ ngày góp vốn
Tăng trưởng NAV/CCQ	1,09%	10,15%	12,80%

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

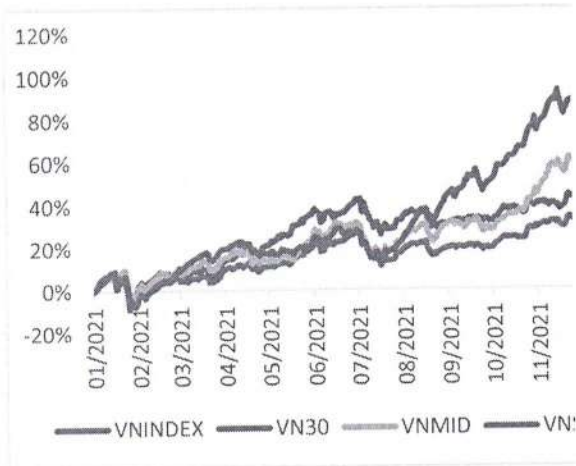
3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

Cập nhật các thông tin vĩ mô

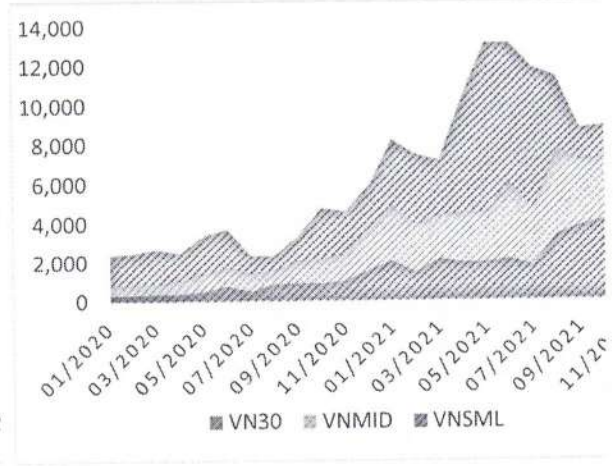
- Kết thúc năm 2021, GDP tăng 2,58% so với năm trước, đặc biệt đã phục hồi mạnh mẽ trong quý 4/2021 với tăng trưởng 5,2% so với cùng kỳ, đóng góp từ cả 3 trụ cột của nền kinh tế. Một điểm sáng khác là tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa duy trì tốc độ tăng cao, cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 xuất siêu 4 tỷ USD. Chỉ số CPI năm 2021 chỉ tăng 1,8% so với năm trước, thấp nhất kể từ 2016.
- Tính đến ngày 27/12/2021, tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi vaccine là 79% và tỷ lệ bao phủ đủ vaccine cơ bản là 66% trên tổng dân số Việt Nam. Tỷ lệ bao phủ vaccine cao sẽ là tiền đề để đẩy nhanh việc mở cửa nền kinh tế, đặc biệt là các ngành hàng không và du lịch từ Q1/2022.

Thị trường chứng khoán năm 2021

- Kết thúc năm 2021, VNINDEX đóng cửa ở mức 1.498,28 điểm, tăng trưởng 35,73% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng khá tích cực, nằm trong TOP 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới. Năm 2021 là một năm khó khăn cho nền kinh tế nói chung, tuy nhiên các doanh nghiệp trên HOSE hầu như là các doanh nghiệp lớn và ít chịu tác động hơn so với phần còn lại, ước tính các doanh nghiệp trên HOSE có tăng trưởng lợi nhuận 39% so với năm 2020.
- Năm 2021, xu hướng dòng tiền có sự dịch chuyển từ nhóm vốn hóa lớn sang nhóm vốn hóa trung bình và nhóm vốn hóa nhỏ. Xu hướng thể hiện qua giá trị giao dịch bình quân theo tháng của các nhóm cổ phiếu có sự luân chuyển rõ rệt. Chỉ số VNmidcap và chỉ số Smallcap có mức tăng trưởng vượt trội với mức tăng lần lượt 72% và 98% so với đầu năm.



Hình 1: Diễn biến giá các chỉ số



Hình 2: Giá trị giao dịch bình quân theo tháng theo nhóm chỉ số

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 (tiếp theo)

Mức sinh lời của các chỉ số hiện hành:

Chỉ số	1 tháng	3 tháng	1 năm	3 năm
VNindex	1,34%	11,64%	35,73%	18,85%
VN30	-0,12%	5,64%	43,42%	21,56%
VNX50	0,64%	9,36%	49,53%	-
VN100	1,62%	11,82%	47,94%	22,95%

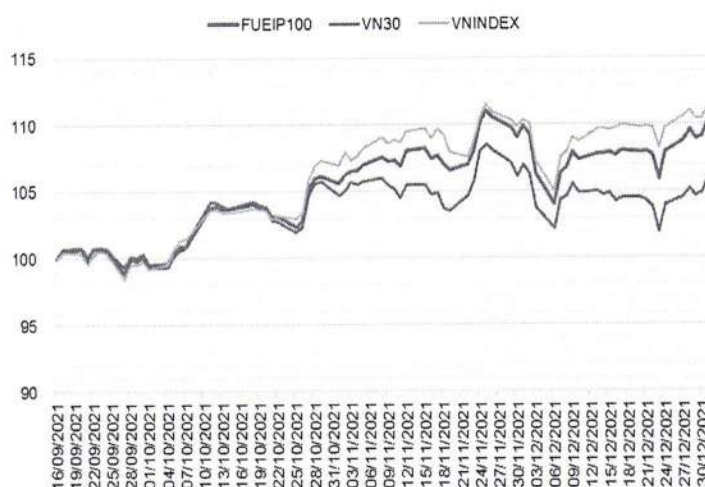
- Chỉ số VN100 là kết hợp giữa danh mục 30 cổ phiếu thuộc VN30 và 70 cổ phiếu thuộc VNMidcap. Hưởng lợi từ xu hướng dòng tiền dịch chuyển mạnh mẽ sang nhóm các cổ phiếu Midcap, chỉ số VN100 có hiệu suất vượt trội trong năm 2021 so với VN30 và VNINDEX. Chỉ số VN100 cho mức sinh lời 1 năm qua là 47,94% và 3 năm qua là 22,95%/năm, mức sinh lời này là cao hơn VN30 và VNINDEX.

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của quỹ

	Chỉ số FUEIP100	Chỉ số VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	65	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	15,16	15,46
P/B (x)	2,77	2,75
ROE (%)	18,24	18,11
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,56%	
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	77,50%	
Cổ phiếu vốn hóa trung bình - VNMIDCAP	22,50%	

Biểu đồ tăng trưởng của FUEIP100 và bám sát chỉ số VN100



Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Số lượng nhà đầu tư	Tổ chức	Cá nhân
Tại ngày 25 tháng 08 năm 2021	03	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	03	384

4.3 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ

Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan	71,46%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất	95,17%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	0,40%

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

- Sự kiện xung đột Nga – Ukraine:

Xung đột Nga-Ukraine bùng nổ và các biện pháp trừng phạt kinh tế của phương Tây đối với Nga đang khiến thị trường hàng hóa biến động mạnh và gây ra nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng. Nga đóng vai trò quan trọng đối với một số mặt hàng như: Dầu thô và khí đốt tự nhiên, Phân bón, Thép, sản phẩm nông nghiệp (đặc biệt là lúa mì), Các kim loại khác: nhôm, niken, bạch kim, paladi và đồng. Các mặt hàng này đã có những phản ứng mạnh mẽ trong thời gian qua khi giá liên tục tăng cao.

Chúng tôi đánh giá tác động trực tiếp của cuộc xung đột Nga – Ukraine đến nền kinh tế Việt Nam là không lớn. Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Ukraine đạt 720,5 triệu USD năm 2021 và kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Nga là 5,5 tỷ USD năm 2021. Do xuất khẩu của Việt Nam sang Nga và Ukraine chỉ chiếm 1,1% tổng xuất khẩu của Việt Nam, và Nga cũng như Ukraine không phải là thị trường xuất khẩu chính cho bất kỳ sản phẩm nào của Việt Nam, chúng tôi cho rằng cuộc khủng hoảng Nga-Ukraine có tác động trực tiếp nhỏ đến xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, xung đột Nga-Ukraine ít có khả năng làm gián đoạn chuỗi cung ứng của ngành sản xuất Việt Nam do nhập khẩu của Việt Nam từ các nước này chỉ chiếm 0,8% tổng kim ngạch nhập khẩu (trong đó nhập khẩu chính là thép và than).

Tác động lan tỏa của cuộc xung đột Nga-Ukraine đến lạm phát Việt Nam là trọng yếu nhất, áp lực lạm phát có thể sẽ gia tăng đáng kể từ tháng 3. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng Chính phủ vẫn có thể kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm 2022. Chính phủ đang xem xét các phương án giảm thuế môi trường đối với xăng dầu để hạ giá xăng dầu trong nước nhằm kiềm chế lạm phát (thuế và phí các loại đã chiếm hơn 40% giá bán lẻ xăng dầu). Bên cạnh đó, Chính phủ có thể giảm giá các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu như điện, học phí, hoặc phí dịch vụ y tế để giảm áp lực lạm phát. Chúng tôi duy trì dự báo CPI bình quân năm 2022 ở mức 3,45% so với cùng kỳ. Lạm phát vẫn nằm trong tầm kiểm soát và đạt mục tiêu của Chính phủ là giữ cho CPI bình quân năm 2022 tăng dưới 4,0% so với cùng kỳ.

- Về chính sách vĩ mô trong nước:

Tại phiên họp Quốc hội bất thường tháng 1/2022 vừa qua, Quốc hội đã thông qua gói kích thích kinh tế với quy mô lên tới 350.000 tỷ đồng trong 2 năm 2022 và năm 2023. Gói kích thích kinh tế bao gồm: trợ cấp cho những đối tượng bị ảnh hưởng bởi Covid – 19, gói cấp bù lãi suất cho doanh nghiệp, giảm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp), tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

- Về chính sách vĩ mô trong nước (tiếp theo):

Tỷ lệ tiêu dùng cao và gói kích thích kinh tế quy mô lớn sẽ là 2 yếu tố quan trọng cho phục hồi của nền kinh tế Việt Nam. Chúng tôi kỳ vọng ngành dịch vụ sẽ hồi phục mạnh mẽ trong thời gian tới nhờ (1) mở cửa trở lại đối với dịch vụ không thiết yếu (du lịch, giải trí, giao thông công cộng ...) và (2) nhu cầu trong nước hồi phục sau khi chính phủ nới lỏng các quy định về giãn cách xã hội, giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 10% xuống 8%. Bên cạnh đó, các hoạt động sản xuất công nghiệp sẽ tăng tốc hơn nữa nhờ (1) lực lượng lao động quay trở lại làm việc sau dịch bệnh được kiểm chế, (2) thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài hồi phục, (3) kim ngạch xuất khẩu ở mức cao. Theo đó, GDP quý 1/2022 được dự báo sẽ tăng trưởng 5,5% và dự báo tăng trưởng đạt 7,5% cho cả năm 2022.

- Thị trường chứng khoán năm 2022

Các số liệu thống kê lịch sử cho thấy các cuộc xung đột và căng thẳng địa chính trị phần lớn ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán trong ngắn hạn. Chỉ số S&P 500 (đại diện cho TTCK Mỹ) thường chạm đáy trong khoảng 2-3 tuần sau khi sự kiện nổ ra, với mức giảm bình quân khoảng 6% (S&P 500 ghi nhận mức giảm mạnh nhất là 16,9% trong chiến tranh vùng Vịnh và nhẹ nhất là 0,2% trong sự kiện Nga sáp nhập Krym). Sau đó, chỉ số S&P 500 thường sớm phục hồi và quay trở lại xu thế tăng điểm trong vòng 2-3 tháng sau khi sự kiện nổ ra. Cụ thể, chỉ số S&P 500 ghi nhận mức tăng điểm bình quân khoảng 2,5% trong vòng 3 tháng sau khi sự kiện nổ ra (ngoại trừ chiến tranh vùng Vịnh). Trong vòng một năm sau sự kiện, chỉ số S&P 500 ghi nhận mức tăng điểm bình quân là 7,3%. Điều đó chứng minh rằng, chứng khoán (đại diện bởi chỉ số S&P 500) có xác suất và mức độ tăng giá cao nhất trong giai đoạn 3 tháng tới 1 năm sau các cuộc xung đột và căng thẳng địa chính trị. Chúng tôi cho rằng tình hình căng thẳng Nga-Ukraine có thể sớm đạt đỉnh và hạ nhiệt. Do đó, thị trường chứng khoán điều chỉnh có thể là cơ hội tốt để nhà đầu tư gia tăng tỷ trọng cổ phiếu cho mục tiêu nắm giữ trung hạn trong vòng 3-12 tháng tới.

Diễn biến chỉ số S&P 500	Ngày bắt đầu	Số ngày tới thời điểm lập đáy	Mức giảm tới đáy (%)	Tăng/giảm sau 3 tháng (%)	Tăng/giảm sau 1 năm (%)
Hoa Kỳ tấn công Panama	20/12/1989	41	-5,7%	0,3%	-3,6%
Chiến tranh vùng Vịnh	02/08/1990	71	-16,9%	-13,6%	8,9%
Sự kiện khủng bố 11/09	11/09/2001	10	-11,6%	4,3%	-16,8%
Chiến tranh Iraq	20/03/2003	11	-3,0%	13,8%	27,0%
Nga sáp nhập Krym	20/02/2014	1	-0,2%	1,8%	14,7%
Hoa Kỳ ném bom Syria	14/04/2018	19	-1,0%	5,5%	9,5%
Tấn công Abqaiq-Khuras 2019	14/09/2019	18	-4,0%	5,4%	11,1%
Trung bình		24	-6,0%	2,5%	7,3%
Trung vị		18	-4,0%	4,3%	9,5%

Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT Research

Hình: Ảnh hưởng của các cuộc xung đột đến diễn biến chỉ số S&P 500

Bên cạnh đó, mức tăng trưởng EPS của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE được dự kiến tăng trưởng 23% và 19% cho năm 2022 và 2023 nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành xuất khẩu, dầu khí và bất động sản (theo dự báo của VNDIRECT RESEARCH). Theo dữ liệu gần nhất của Bloomberg ngày 17/03/2022, VN-Index đang giao dịch ở mức P/E 12 tháng (TTM P/E) là 16,6 lần. Chúng tôi cho rằng định giá thị trường đang ở mức hấp dẫn với P/E dự phóng cho 2022 và 2023 lần lượt ở mức 13,50 và 11,34 lần (thấp hơn P/E trung bình 3 năm gần nhất là 16,1 lần).

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Ban điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Hồ Nga

Giám đốc đầu tư

Bà Nga có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản lý đầu tư. Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng làm việc tại Công ty Chứng khoán BIDV, Tập đoàn British Petroleum, phụ trách xúc tiến đầu tư tại Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích tại Công ty quản lý quỹ PVFC Capital, Giám đốc Huy động quỹ và phát triển kinh doanh tại PVFC Capital.

Bà Nga tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Tài chính, Trường Đại học Bristol, UK và Cử nhân Tài chính Kế toán, Trường Đại học New South Wales, Úc.

Ông Cao Minh Hoàng

Quản lý đầu tư

Ông Hoàng có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, phân tích và quản lý danh mục đầu tư.

Trước khi gia nhập IPAAM vào năm 2012, ông đã có 2 năm làm kiểm toán viên tại Ernst & Young, sau đó làm phân tích đầu tư tại Vingroup và VNDirect, tham gia một cách tích cực vào thành công của việc phát hành 300 triệu USD trái phiếu quốc tế của Vingroup năm 2012.

Từ năm 2012-2015, ông giữ vị trí Trưởng phòng Phân tích tại IPAAM, phụ trách việc phân tích và quản lý danh mục đầu tư. Hiện tại, ông Hoàng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư của IPAAM.

Ông Hoàng đã hoàn thành chứng chỉ CFA cấp độ 3 vào năm 2013.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

*Thành viên độc lập,
Chủ tịch Ban đại diện quỹ*

Bà Trang hiện là Phó trưởng phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

Bà Trang có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vốn và đầu tư. Bà từng làm việc tại Ban Quản lý vốn và đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí, giữ vị trí Phó Ban Đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu Khí.

Bà Trang tốt nghiệp Khoa Tài chính Ngân hàng và có bằng Thạc sĩ Quản lý Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Phí Thị Thùy Dung

*Thành viên độc lập
Ban đại diện quỹ*

Bà Dung hiện giữ vị trí Kế Toán Trưởng tại Đại sứ quán Úc tại Việt Nam.

Bà Dung có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và quản lý tài chính. Bà từng làm Kế toán công chứng tại Duncan Dovico Chartered Accountant.

Bà tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán tài chính tại Đại học Tổng hợp Sydney, Úc và Thạc sĩ Thương mại tại Đại học Macquarie, Úc. Bà có bằng Chartered of Accountant (CA) và là thành viên Viện Kế toán Công chứng Úc (The Institute of Chartered Accountants).

Bà Hoàng Thị Minh Phương

*Thành viên độc lập
Ban đại diện quỹ*

Bà Phương hiện là Chuyên viên pháp chế tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect.

Bà Phương có trình độ chuyên môn về pháp luật và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân Luật tại Đại học Công đoàn và có Giấy chứng nhận đào tạo nghề Luật sư của Học viện Tư pháp.

**Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý
Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A**



Nguyễn Hồ Nga

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Phạm Thùy Dương

Số tham chiếu: 61772575/23035288

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ ETF IPAAM VN100**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 15 đến trang 47 bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

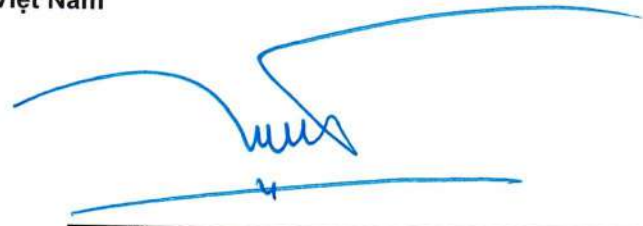
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như tình hình thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quý và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ hoán đổi danh mục.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO THU NHẬP

cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.183.367.863
2	1.1. Cổ tức được chia	5	1.456.887.750
3	1.2. Tiền lãi được nhận		317.263
4	1.3. Lãi bán các khoản đầu tư	6	309.875.418
5	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	5.416.287.432
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		8.525.150
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	8	8.525.150
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		375.012.903
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ ETF		103.912.525
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF		74.052.668
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		19.616.672
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		58.850.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		14.548.384
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF		22.191.754
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		33.000.000
20.11	3.9. Chi phí hoạt động khác	9	48.840.900
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.799.829.810
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		6.799.829.810
31	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.383.542.378
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		5.416.287.432
41	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		6.799.829.810

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	333.761.081
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		333.761.081
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	62.950.586.850
121	2.1. Các khoản đầu tư		62.950.586.850
130	3. Các khoản phải thu	12	47.350.000
133	3.2. Phải thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		47.350.000
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		47.350.000
100	TỔNG TÀI SẢN		63.331.697.931
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		164.565.445
314	1. Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.140.000
316	2. Chi phí phải trả	14	52.260.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	15	110.165.445
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		164.565.445
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NÂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		63.167.132.486
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	16	56.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		56.000.000.000
413	1.2. Vốn góp hoán đổi lại		-
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		367.302.676
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	6.799.829.810
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.279,84
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Chứng chỉ Quỹ
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	19	5.600.000

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	6.799.829.810
II.1	<i>Trong đó:</i> Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	6.799.829.810
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF	56.367.302.676
III.1	<i>Trong đó:</i> Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	56.367.302.676
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối kỳ	63.167.132.486

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CÓ PHIẾU NIÊM YẾT	1.284.890		62.950.586.850	99,40%
1	VIC	44.800	95.100	4.260.480.000	6,73%
2	HPG	83.700	46.400	3.883.680.000	6,13%
3	TCB	77.300	50.000	3.865.000.000	6,10%
4	VPB	99.198	35.800	3.551.288.400	5,61%
5	VHM	36.900	82.000	3.025.800.000	4,78%
6	ACB	78.100	34.500	2.694.450.000	4,25%
7	MSN	14.200	171.000	2.428.200.000	3,83%
8	VNM	28.000	86.400	2.419.200.000	3,82%
9	FPT	26.000	93.000	2.418.000.000	3,82%
10	MWG	15.800	135.900	2.147.220.000	3,39%
11	NVL	22.925	91.000	2.086.175.000	3,29%
12	MBB	70.500	28.900	2.037.450.000	3,22%
13	STB	58.200	31.500	1.833.300.000	2,89%
14	HDB	47.100	30.850	1.453.035.000	2,29%
15	VCB	17.481	78.800	1.377.502.800	2,18%
16	TPB	32.130	41.050	1.318.936.500	2,08%
17	EIB	35.500	33.700	1.196.350.000	1,89%
18	VJC	9.300	128.300	1.193.190.000	1,88%
19	SSI	21.800	51.800	1.129.240.000	1,78%
20	VIB	23.700	47.300	1.121.010.000	1,77%
21	MSB	38.600	29.000	1.119.400.000	1,77%
22	VRE	30.800	30.100	927.080.000	1,46%
23	CTG	24.400	33.900	827.160.000	1,31%
24	LPB	36.600	22.300	816.180.000	1,29%
25	KBC	13.400	60.800	814.720.000	1,29%
26	GEX	18.285	40.650	743.285.250	1,17%
27	KDH	13.600	51.000	693.600.000	1,10%
28	PDR	6.600	95.200	628.320.000	0,99%
29	PNJ	6.200	96.200	596.440.000	0,94%
30	DXG	16.800	35.000	588.000.000	0,93%
31	DIG	5.600	96.700	541.520.000	0,86%
32	VCI	7.300	72.800	531.440.000	0,84%
33	DGC	3.100	159.900	495.690.000	0,78%
34	HSG	13.200	37.400	493.680.000	0,78%
35	HCM	9.500	45.500	432.250.000	0,68%
36	GMD	8.600	47.300	406.780.000	0,64%
37	NLG	6.178	64.200	396.627.600	0,63%
38	SAB	2.500	151.000	377.500.000	0,60%
39	TCH	12.600	27.450	345.870.000	0,55%
40	VCG	6.600	51.700	341.220.000	0,54%
41	REE	4.800	69.100	331.680.000	0,52%
42	GAS	3.400	96.200	327.080.000	0,52%
43	FLC	16.800	18.000	302.400.000	0,48%
44	PLX	5.600	53.900	301.840.000	0,48%
45	POW	16.800	17.500	294.000.000	0,46%
46	SAM	11.200	25.750	288.400.000	0,46%
47	DPM	5.600	50.000	280.000.000	0,44%
48	BID	7.043	37.100	261.295.300	0,41%
49	KDC	4.830	54.000	260.820.000	0,41%
50	CII	5.600	46.400	259.840.000	0,41%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
51	PVD	7.100	29.650	210.515.000	0,33%
52	HPX	6.300	33.300	209.790.000	0,33%
53	GVR	5.600	36.950	206.920.000	0,33%
54	SCR	9.400	21.350	200.690.000	0,32%
55	SBT	7.400	25.900	191.660.000	0,30%
56	PC1	4.760	39.350	187.306.000	0,30%
57	VHC	2.900	62.800	182.120.000	0,29%
58	HBC	5.860	30.250	177.265.000	0,28%
59	DCM	4.600	36.700	168.820.000	0,27%
60	APH	4.400	37.150	163.460.000	0,26%
61	BVH	2.700	56.000	151.200.000	0,24%
62	AAA	6.100	20.200	123.220.000	0,19%
63	PVT	5.000	24.100	120.500.000	0,19%
64	ASM	4.900	22.850	111.965.000	0,18%
65	NT2	3.100	26.300	81.530.000	0,12%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC			47.350.000	0,07%
1	Phải thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận			47.350.000	0,07%
III	TIỀN			333.761.081	0,53%
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF			333.761.081	0,53%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			63.331.697.931	100,00%

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt




Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		6.799.829.810
	Điều chỉnh (lợi nhuận) do việc mua hộ chứng khoán hạn chế		(65.000)
02	Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(5.383.287.432)
03	Lãi chưa thực hiện	7	(5.416.287.432)
04	Chi phí trích trước		33.000.000
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		1.416.477.378
06	(Tăng) các khoản đầu tư		(1.218.576.418)
07	(Tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(47.350.000)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.140.000
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		19.260.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		110.165.445
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		282.116.405
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ		51.644.676
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		51.644.676
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		333.761.081

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	10		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ			-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF			-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	10	333.761.081	
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		333.761.081	
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		333.760.934	
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư			147
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		333.761.081	

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 56.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.600.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (sau đây được gọi tắt là “Công ty”). Công ty được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang quản lý ba quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ IPAAM ETF VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Camellia và Công ty Cổ phần Bkav.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Hiền – Chức danh: Chủ tịch Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập là 52.000.000.000 đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính này dựa trên số vốn thực góp của Nhà đầu tư theo *Thuyết minh 15*.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF IPAAM VN100 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Tần suất giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày nếu đó là ngày làm việc (“Ngày giao dịch”). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan đến lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của Công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”), cụ thể như sau:

- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức, trừ công nợ của Chính phủ;
- ▶ Trừ trường hợp là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu, không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (iv) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)****Hạn chế đầu tư (tiếp theo)**

- ▶ Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu.
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu.
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh, dư nợ vay khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ ÁP DỤNG**3.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo thu nhập, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giá trị Chứng chỉ Quỹ, báo cáo danh mục đầu tư, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

3.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại kỳ lập báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3. Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) do bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4.7. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8. Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF IPAAM VN100. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100 là 0,6% NAV/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát và giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát là 0,06% NAV/năm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VND. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Giá dịch vụ giám sát tối thiểu hàng tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng giám sát là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính là: 0,03% giá trị giao dịch. Tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 VND/ngày giao dịch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 15.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng còn bao gồm cả phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cho dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số VN100. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8. Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

4.9. Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư số 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	<i>Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Cổ tức đã nhận bằng tiền	1.409.537.750
Cổ tức phải thu	47.350.000
Tổng cộng	1.456.887.750



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

<i>STT</i>	<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
I	Lãi bán các khoản đầu tư	2.584.009.000	2.274.198.582	309.810.418
1	Cổ phiếu niêm yết	2.584.009.000	2.274.198.582	309.810.418
II	Lãi từ mua bán hộ khoản đầu tư	4.010.000	3.945.000	65.000
1	Cổ phiếu niêm yết	4.010.000	3.945.000	65.000
	Tổng cộng	2.588.019.000	2.278.143.582	309.875.418

7. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

<i>STT</i>	<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh số cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
1	Cổ phiếu niêm yết	57.534.299.418	62.950.586.850	5.416.287.432	5.416.287.432
	Tổng cộng	57.534.299.418	62.950.586.850	5.416.287.432	5.416.287.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	VND
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	8.525.150
Tổng cộng	8.525.150

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	VND
Chi phí thù lao ban đại diện Quỹ	21.400.000
Chi phí thiết lập Quỹ	15.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	7.500.000
Chi phí thường niên trả UBCK	2.500.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí thực hiện quyền trả VSD	2.200.000
Chi phí ngân hàng	240.900
Tổng cộng	48.840.900

10. TIỀN GỬI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ	333.761.081
Tổng cộng	333.761.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
	Cổ phiếu niêm yết					
1	VIC	4.246.720.000	4.260.480.000	13.760.000	-	4.260.480.000
2	HPG	4.075.560.000	3.883.680.000	-	(191.880.000)	3.883.680.000
3	TCB	3.816.617.925	3.865.000.000	48.382.075	-	3.865.000.000
4	VPB	3.406.526.500	3.551.288.400	144.761.900	-	3.551.288.400
5	VHM	3.036.210.000	3.025.800.000	-	(10.410.000)	3.025.800.000
6	ACB	2.538.480.000	2.694.450.000	155.970.000	-	2.694.450.000
7	MSN	1.930.595.660	2.428.200.000	497.604.340	-	2.428.200.000
8	VNM	2.435.850.000	2.419.200.000	-	(16.650.000)	2.419.200.000
9	FPT	2.398.115.472	2.418.000.000	19.884.528	-	2.418.000.000
10	MWG	2.344.031.975	2.147.220.000	-	(196.811.975)	2.147.220.000
11	NVL	1.849.400.000	2.086.175.000	236.775.000	-	2.086.175.000
12	MBB	2.016.960.000	2.037.450.000	20.490.000	-	2.037.450.000
13	STB	1.593.030.000	1.833.300.000	240.270.000	-	1.833.300.000
14	HDB	1.513.260.000	1.453.035.000	-	(60.225.000)	1.453.035.000
15	VCB	1.337.190.000	1.377.502.800	40.312.800	-	1.377.502.800
16	TPB	860.220.000	1.318.936.500	458.716.500	-	1.318.936.500
17	EIB	873.740.000	1.196.350.000	322.610.000	-	1.196.350.000
18	VJC	1.181.671.509	1.193.190.000	11.518.491	-	1.193.190.000
19	SSI	1.225.838.679	1.129.240.000	-	(96.598.679)	1.129.240.000
20	VIB	880.980.000	1.121.010.000	240.030.000	-	1.121.010.000
21	MSB	841.360.000	1.119.400.000	278.040.000	-	1.119.400.000
22	VRE	818.136.887	927.080.000	108.943.113	-	927.080.000
23	CTG	786.040.000	827.160.000	41.120.000	-	827.160.000
24	LPB	842.760.000	816.180.000	-	(26.580.000)	816.180.000
25	KBC	528.040.000	814.720.000	286.680.000	-	814.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
26	GEX	395.985.000	743.285.250	347.300.250	-	743.285.250
27	KDH	556.490.000	693.600.000	137.110.000	-	693.600.000
28	PDR	583.410.000	628.320.000	44.910.000	-	628.320.000
29	PNJ	564.080.000	596.440.000	32.360.000	-	596.440.000
30	DXG	360.495.000	588.000.000	227.505.000	-	588.000.000
31	DIG	192.650.000	541.520.000	348.870.000	-	541.520.000
32	VCI	456.000.000	531.440.000	75.440.000	-	531.440.000
33	DGC	353.168.490	495.690.000	142.521.510	-	495.690.000
34	HSG	529.130.000	493.680.000	-	-	493.680.000
35	HCM	387.400.000	432.250.000	44.850.000	(35.450.000)	493.680.000
36	GMD	413.014.811	406.780.000	-	-	432.250.000
37	NLG	237.990.000	396.627.600	158.637.600	(6.234.811)	406.780.000
38	SAB	412.570.000	377.500.000	-	-	396.627.600
39	TCH	238.815.000	345.870.000	107.055.000	(35.070.000)	377.500.000
40	VCG	277.675.000	341.220.000	63.545.000	-	345.870.000
41	REE	283.385.094	331.680.000	48.294.906	-	341.220.000
42	GAS	304.294.717	327.080.000	22.785.283	-	331.680.000
43	FLC	178.950.000	302.400.000	123.450.000	-	327.080.000
44	PLX	279.470.000	301.840.000	22.370.000	-	302.400.000
45	POW	191.160.000	294.000.000	102.840.000	-	301.840.000
46	SAM	116.040.000	288.400.000	172.360.000	-	294.000.000
47	DPM	195.345.000	280.000.000	84.655.000	-	288.400.000
48	BID	222.335.000	261.295.300	38.960.300	-	280.000.000
49	KDC	262.318.491	260.820.000	-	-	261.295.300
50	CII	97.880.000	259.840.000	161.960.000	(1.498.491)	260.820.000
51	PVD	145.435.000	210.515.000	65.080.000	-	259.840.000
52	HPX	231.600.000	209.790.000	-	-	210.515.000
					(21.810.000)	209.790.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
53	GVR	198.480.000	206.920.000	8.440.000	-	206.920.000
54	SCR	103.268.302	200.690.000	97.421.698	-	200.690.000
55	SBT	159.485.000	191.660.000	32.175.000	-	191.660.000
56	PC1	125.295.283	187.306.000	62.010.717	-	187.306.000
57	VHC	187.750.000	182.120.000	-	(5.630.000)	182.120.000
58	HBC	81.725.000	177.265.000	95.540.000	-	177.265.000
59	DCM	111.445.755	168.820.000	57.374.245	-	168.820.000
60	APH	206.614.528	163.460.000	-	(43.154.528)	163.460.000
61	BVH	172.080.000	151.200.000	-	(20.880.000)	151.200.000
62	AAA	103.905.000	123.220.000	19.315.000	-	123.220.000
63	PVT	106.068.019	120.500.000	14.431.981	-	120.500.000
64	ASM	72.466.038	111.965.000	39.498.962	-	111.965.000
65	NT2	61.295.283	81.530.000	20.234.717	-	81.530.000
Tổng cộng		57.534.299.418	62.950.586.850	6.185.170.916	(768.883.484)	62.950.586.850

(*) Giá mua được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm và giá vốn của chứng khoán thương mại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Phải thu về dự thu cổ tức	47.350.000
Tổng cộng	47.350.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>	<i>Số phải nộp VND</i>	<i>Số đã nộp VND</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.140.000	-	2.140.000
Tổng cộng	-	2.140.000	-	2.140.000

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Phí kiểm toán	33.000.000
Thù lao Ban Đại Diện Quỹ	19.260.000
Tổng cộng	52.260.000

15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Phí quản lý Quỹ	31.425.307
Phí phải trả Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM	22.191.754
Phí dịch vụ lưu ký Ngân hàng Giám sát	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000
Phí phải trả Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD)	14.548.384
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000
Tổng cộng	110.165.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>IPO (phát hành lần đầu)</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	5.200.000	400.000	5.600.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.000,00	-	10.065,59
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	52.000.000.000	4.000.000.000	56.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	-	367.302.676	367.302.676
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	52.000.000.000	4.367.302.676	56.367.302.676
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (6)	CCQ	-	-	-
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	-	-
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	-	-
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	-	-
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	-	-
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	5.200.000	400.000	5.600.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	52.000.000.000	4.367.302.676	56.367.302.676
Lãi / (lỗ) lũy kế (13)	VND	-	6.799.829.810	6.799.829.810
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	52.000.000.000	11.167.132.486	63.167.132.486
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	1.000.000.000		1.127.984.508
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	10.000,00		11.279,84

17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 14 tháng 09 năm 2021</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	-	1.383.542.378	1.383.542.378
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	5.416.287.432	5.416.287.432
Tổng cộng	-	6.799.829.810	6.799.829.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	16/09/2021	53.195.398.613	5.200.000	10.229,88	
2	17/09/2021	53.537.296.270	5.200.000	10.295,63	65,75
3	20/09/2021	53.607.069.580	5.200.000	10.309,05	13,42
4	21/09/2021	53.260.127.794	5.200.000	10.242,33	(66,72)
5	22/09/2021	53.573.608.074	5.200.000	10.302,61	60,28
6	23/09/2021	53.600.784.188	5.200.000	10.307,84	5,23
7	26/09/2021	53.539.565.927	5.200.000	10.296,07	(11,77)
8	27/09/2021	52.607.099.706	5.200.000	10.116,74	(179,33)
9	28/09/2021	53.142.084.080	5.200.000	10.219,63	102,89
10	29/09/2021	53.084.260.185	5.200.000	10.208,51	(11,12)
11	30/09/2021	53.248.575.602	5.200.000	10.240,11	31,60
12	03/10/2021	52.819.615.835	5.200.000	10.157,61	(82,50)
13	04/10/2021	52.850.000.819	5.200.000	10.163,46	5,85
14	05/10/2021	53.305.325.418	5.200.000	10.251,02	87,56
15	06/10/2021	53.523.366.333	5.200.000	10.292,95	41,93
16	07/10/2021	53.631.563.169	5.200.000	10.313,76	20,81
17	10/10/2021	54.045.646.437	5.200.000	10.393,39	79,63
18	11/10/2021	55.190.604.145	5.200.000	10.613,57	220,18
19	12/10/2021	55.258.735.757	5.200.000	10.626,67	13,10
20	13/10/2021	55.164.079.425	5.200.000	10.608,47	(18,20)
21	14/10/2021	55.156.255.063	5.200.000	10.606,97	(1,50)
22	17/10/2021	55.194.515.990	5.200.000	10.614,32	7,35
23	18/10/2021	55.352.689.638	5.200.000	10.644,74	30,42
24	19/10/2021	56.307.977.181	5.300.000	10.624,14	(20,60)
25	20/10/2021	56.286.607.677	5.300.000	10.620,11	(4,03)
26	21/10/2021	55.876.215.019	5.300.000	10.542,68	(77,43)
27	24/10/2021	55.909.976.327	5.300.000	10.549,05	6,37
28	25/10/2021	55.484.632.006	5.300.000	10.468,79	(80,26)
29	26/10/2021	55.774.473.914	5.300.000	10.523,48	54,69
30	27/10/2021	56.997.066.531	5.300.000	10.754,16	230,68
31	28/10/2021	57.433.723.586	5.300.000	10.836,55	82,39
32	31/10/2021	57.530.668.847	5.300.000	10.854,84	18,29
33	01/11/2021	57.223.463.212	5.300.000	10.796,87	(57,97)
34	02/11/2021	57.621.183.401	5.300.000	10.871,92	75,05
35	03/11/2021	57.741.693.347	5.300.000	10.894,65	22,73
36	04/11/2021	58.873.325.530	5.400.000	10.902,46	7,81
37	07/11/2021	59.091.694.737	5.400.000	10.942,90	40,44
38	08/11/2021	59.405.104.089	5.400.000	11.000,94	58,04
39	09/11/2021	59.237.299.150	5.400.000	10.969,87	(31,07)
40	10/11/2021	59.267.848.408	5.400.000	10.975,52	5,65
41	11/11/2021	59.023.494.383	5.400.000	10.930,27	(45,25)
42	14/11/2021	59.688.029.580	5.400.000	11.053,33	123,06
43	15/11/2021	59.798.037.856	5.400.000	11.073,71	20,38
44	16/11/2021	59.335.652.300	5.400.000	10.988,08	(85,63)
45	17/11/2021	59.481.190.351	5.400.000	11.015,03	26,95
46	18/11/2021	59.120.294.835	5.400.000	10.948,20	(66,83)
47	21/11/2021	58.866.595.443	5.400.000	10.901,22	(46,98)
48	22/11/2021	59.098.608.784	5.400.000	10.944,18	42,96
49	23/11/2021	59.660.565.787	5.400.000	11.048,25	104,07

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND		Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				NAV VND	NAV/CCQ VND	
50	24/11/2021	62.018.056.217	5.500.000	11.276,01		
51	25/11/2021	62.479.988.572	5.500.000	11.359,99		227,76
52	28/11/2021	62.202.417.886	5.500.000	11.309,53		83,98
53	29/11/2021	61.790.850.670	5.500.000	11.234,70		(50,46)
54	30/11/2021	61.370.079.701	5.500.000	11.158,19		(74,83)
55	01/12/2021	61.834.237.151	5.500.000	11.242,58		(76,51)
56	02/12/2021	61.485.149.940	5.500.000	11.179,11		84,39
57	05/12/2021	60.894.768.117	5.600.000	10.874,06		(63,47)
58	06/12/2021	59.587.856.895	5.600.000	10.640,68		(305,05)
59	07/12/2021	60.937.334.889	5.600.000	10.881,66		(233,38)
60	08/12/2021	61.158.654.145	5.600.000	10.921,18		240,98
61	09/12/2021	61.830.232.611	5.600.000	11.041,11		39,52
62	12/12/2021	61.495.285.065	5.600.000	10.981,30		119,93
63	13/12/2021	61.774.234.952	5.600.000	11.031,11		(59,81)
64	14/12/2021	61.769.128.373	5.600.000	11.030,20		49,81
65	15/12/2021	61.833.279.941	5.600.000	11.041,65		(0,91)
66	16/12/2021	61.701.373.475	5.600.000	11.018,10		11,45
67	19/12/2021	61.897.181.959	5.600.000	11.053,06		(23,55)
68	20/12/2021	61.831.876.548	5.600.000	11.041,40		34,96
69	21/12/2021	61.864.024.559	5.600.000	11.047,14		(11,66)
70	22/12/2021	61.718.351.364	5.600.000	11.021,13		5,74
71	23/12/2021	60.674.709.025	5.600.000	10.834,76		(26,01)
72	26/12/2021	61.832.848.131	5.600.000	11.041,58		(186,37)
73	27/12/2021	62.336.952.567	5.600.000	11.131,59		206,82
74	28/12/2021	62.777.205.066	5.600.000	11.210,21		90,01
75	29/12/2021	62.404.849.086	5.600.000	11.143,72		78,62
76	30/12/2021	62.513.954.113	5.600.000	11.163,20		(66,49)
77	31/12/2021	63.167.132.486	5.600.000	11.279,84		19,48
						116,64

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 58.124.925.140

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ

- Mức cao nhất trong năm (VND) 305,05
 - Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,91

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ

- Mức cao nhất trong năm (VND) 11.359,99
 - Mức thấp nhất trong năm (VND) 10.116,74

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ

Ngày 31 tháng 12 năm 2021
 Chứng chỉ quỹ
5.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT

20.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý Quỹ (*)	-	(103.912.525)	72.487.218	(31.425.307)	(103.912.525)
Đầu tư Chứng khoán I.P.A							
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	(21.400.000)	2.140.000	(19.260.000)	(21.400.000)

(*) Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,6% NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT (tiếp theo)

20.1 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Trụ sở chính

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Trụ sở chính	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	-	4.063.235.194	(3.729.474.113)	333.761.081	-
		Lãi từ tiền gửi thanh toán	-	317.263	(317.263)	-	317.263
		Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	-	(73.335.288)	53.335.288	(20.000.000)	(73.335.288)
		Trong đó:					
		- Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	-	(71.333.336)	51.333.336	(20.000.000)	(71.333.336)
		- Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(2.001.952)	2.001.952	-	(2.001.952)
		Giá dịch vụ giám sát Quỹ	-	(19.616.672)	14.116.672	(5.500.000)	(19.616.672)
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	-	(58.850.000)	42.350.000	(16.500.000)	(58.850.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 62.950.586.850 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm (6.295.058.685) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 6.295.058.685 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là cổ tức tại thời điểm cuối năm có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

Đơn vị tính: VND

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.140.000	-	-	-	2.140.000
Chi phí phải trả	-	52.260.000	-	-	-	52.260.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	110.165.445	-	-	-	110.165.445
Tổng cộng	-	164.565.445	-	-	-	164.565.445

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không phát sinh nợ và vay nên không có tài sản đảm bảo cho các khoản nợ và vay.

Quỹ không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

22. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2021</i>
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động trong năm/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (*)	2,21%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	17,51%

(*) Chi phí hoạt động bao gồm Chi phí đầu tư.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính từ ngày 14 tháng 09 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
 Tổng Giám đốc